

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-03-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Nguyễn Đình Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 99, tổ 5, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại bản tự khai ngày 19/12/2022, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Thế H sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng và thấu hiểu nhau. Đến năm 2021, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng trầm trọng nên cả hai đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị N không muốn tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân như vậy nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thế S, sinh năm 2005 và Nguyễn Thế H1, sinh năm 2015. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2022, bị đơn - anh Nguyễn Thế H trình bày:

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn, đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Hai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung. Không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và đã có đơn xin vắng mặt, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thế H có nơi cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị N, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị N, anh H theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của các bên, trích lục kết hôn thấy rằng: Chị N, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là xã T, huyện H), tỉnh Bình Phước vào năm 2004. Chị N và anh H đã chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm, không có sự tôn

trọng và thấu hiểu nhau nên đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, anh H và chị N đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Vì vậy, yêu cầu của chị N về ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Thế S, sinh năm 2005 và Nguyễn Thế H1, sinh năm 2015. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét thấy, hiện nay 02 con chung đang do chị N trực tiếp chăm sóc, các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng chị N, anh H cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần chấp nhận. Yêu cầu của chị N về phần này được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Thế H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 29/9/2004 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là xã T, huyện H), tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thế S, sinh năm 2005 và Nguyễn Thế H1, sinh năm 2015 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014309 ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải